

SỞ Y TẾ VĨNH PHÚC
TTYT HUYỆN YÊN LẠC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 50 /TTYT-KD

Yên Lạc, ngày 20 tháng 01 năm 2025

V/v Mời tham gia báo giá tư vấn
đấu thầu

THƯ MỜI GỬI BÁO GIÁ TƯ VẤN

Kính gửi: Quý đơn vị tư vấn

Hiện nay Trung tâm Y tế huyện Yên Lạc đang có nhu cầu **Mua vật tư y tế, sinh phẩm y tế năm 2025 cho Trung tâm y tế huyện Yên Lạc** gồm 157 mặt hàng có giá trị dự toán kế hoạch **5.344.827.280** đồng.

(chi tiết phụ lục danh mục đính kèm)

Đề nghị các đơn vị tư vấn báo giá về các nội dung:

- + Chi phí tư vấn lập E-HSMT, đánh giá E-HSDT
- + Chi phí tư vấn thẩm định E-HSMT, KQLCNT

Kính mời quý nhà thầu quan tâm, hỗ trợ cung cấp báo giá các gói thầu tư vấn cho đơn vị để đơn vị lập dự toán cho gói thầu.

Thời điểm nhận báo giá: Trước 10h ngày 24 tháng 01 năm 2025.

Yêu cầu báo giá: mỗi nhà thầu 02 bản chính bằng tiếng Việt

Hình thức gửi báo giá: Bản PDF (đã đóng dấu)

Địa điểm nhận báo giá:

+ Bản gốc: Khoa Dược – TTB, VTYT – Trung tâm y tế huyện Yên Lạc.

Địa chỉ: Thị trấn Yên Lạc - huyện Yên Lạc - Tỉnh Vĩnh Phúc.

Xin trân trọng cảm ơn!.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HSĐT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Phương

Phụ lục danh mục hàng hóa
(Kèm theo Thư mời báo giá ngày 20/01/2025 của TTYT huyện Yên Lạc)



TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch có VAT	Thành tiền (VNĐ)
Phần 1: Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và các vật tư y tế sử dụng trong chăm sóc người bệnh						
1.1	Bơm cho ăn, cỡ 50ml	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. - Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn. - Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn FDA do cơ quan Quản lý Thực phẩm và Thuốc Hoa Kỳ (FDA) công bố Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 11135: 2014, ISO 14001:2015, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) 	Cái	50	4.900	245.000
1.2	Bơm tiêm 1ml	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết ≤ 0.03ml, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim 26Gx1/2". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, ISO 14001:2015, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) 	Cái	15.000	780	11.700.000
1.3	Bơm tiêm 5ml	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml - Pít tông có khóa bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN 	Cái	200.000	790	158.000.000

		ISO 11135: 2014, ISO 14001:2015, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)				
1.4	Bơm tiêm 10ml	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất $\leq 0,2$ml - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, ISO 14001:2015, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) 	Cái	90.000	1.190	107.100.000
1.5	Bơm tiêm 20ml	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) 	Cái	20.000	2.150	43.000.000
1.6	Bơm tiêm sử dụng một lần 50ml	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Đốc xy lanh nhỏ, gắn chắc chắn với tất cả các cỡ kim, an toàn khi sử dụng. - Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện - Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, ISO 14001:2015, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) 	Cái	400	4.730	1.892.000
1.7	Kim lấy máu, lấy thuốc các loại, các cỡ	Kim các số 18Gx1 1/2", 20Gx1 1/2", 23Gx1", Vi đưng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, ISO 14001:2015	Cái	15.000	380	5.700.000

		(Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)				
1.8	Kim chích máu các loại, các cỡ	Kim bằng thép không rỉ, sắc, được khử trùng	Cái	1.500	320	480.000
1.9	Kim luồn mạch máu số 18-20-22-24	Kim bằng chất liệu FEP/ETFE, có 3 vạch cân quang, lưu kim 96 giờ. Mũi kim bằng thép không gỉ, tráng silicol. Nút chặn kim luồn khi không sử dụng. Có dòng cân quang đục để phát hiện chụp ảnh phóng xạ chính xác. Các cỡ 14G, 16G, 18G, 20G, 22G, 24G, 26G.	Cái	5.000	4.050	20.250.000
1.10	Kim luồn tĩnh mạch an toàn số 18-20-22-24	Kim luồn TM có cánh và cửa bơm thuốc, có bốn vạch cân quang trong cannunyn, catheter chất liệu FEP. Đầu kim 3 mặt vát (1 mặt vát trên, 2 mặt vát dưới), có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay tròn bắt chéo nhau bịt đầu kim lại khi đã sử dụng xong.	Cái	500	18.900	9.450.000
1.11	Kim chọc dò gây tê tùy sống	Đầu kim Quinke 3 mặt vát dài 88 mm, 40mm, sắc bén Chuôi kim trong suốt, có phản quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra	Cái	300	26.500	7.950.000
1.12	Kim châm cứu dài	Đường kính: 0.30 mm, dài 150 mm. Kim sử dụng thép y tế không gỉ 06Cr19Ni10 (S304). Có khả năng dẫn điện tốt. Đầu kim được mài sắc, đánh bóng sắc nét, không có vết nhám, ria, gai hoặc móc. Áp lực chịu tác động của kim: 0.4N - 0.6N - Lực châm: 0.7N - 0.9N Độ cứng của thân kim: (480-650) HV theo thang đo Vickers + Kim đốc đồng	Cái	2.000	4.200	8.400.000
1.13	Kim châm cứu ngắn các cỡ	Kim châm cứu vô trùng dùng 1 lần, đảm bảo độ vô trùng SAL10-6 Kim sử dụng thép y tế không gỉ 06Cr19Ni10 (S304). Đầu kim không có bất kỳ đoạn móc hoặc uốn cong nào sau khi tác động mức áp lực và lực châm theo tiêu chuẩn. Áp lực chịu tác động của kim: 0.4N - 0.6N - Lực châm: 0.7N - 0.9N Độ cứng của thân kim: (480-650) HV theo thang đo Vickers Kim đốc thép y tế Đóng gói: 10 túi/hộp, 10 kim/túi - Đường kính: 0.16-0.45mm - Chiều dài: 13-75mm	Cái	100.000	580	58.000.000
1.14	Bộ dây truyền dịch kim cánh bướm	Van khóa điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Buồng nhỏ giọt thể tích $\geq 14\text{ml}$, có màng lọc dịch $\leq 15\mu\text{m}$. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền $\geq 1700\text{mm}$. Dây truyền dịch kèm kim hai cánh bướm 22Gx3/4". Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng.	Bộ	20.000	5.600	112.000.000

		Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 6591-4: 2008, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, ISO 14001:2015 EN ISO 13485. (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)				
1.15	Dây truyền dịch và kim	Chỉ sử dụng kim chất lượng cao và nguyên liệu y tế cao cấp từ Nhật bản. Chất liệu nhựa PVC cao cấp làm cho dây luôn mềm, không bị dập hoặc xoắn trong mọi điều kiện thời tiết. Đầu mũi nhựa nhọn, dễ dàng đâm xuyên nút cao su, phù hợp với mọi túi và chai truyền dịch. Cốc mềm và trong suốt, dễ bấm để điều chỉnh chiều cao dịch truyền. Kẹp dây với con lăn linh hoạt, dễ dàng điều chỉnh số lượng giọt theo yêu cầu. Đầu nổi nhanh để thao tác khi cần tiêm thuốc khẩn cấp. Chiều dài dây : 1800 mm, Kích thước kim 21G x 1 1/2 Khử trùng bằng khí EO.	Bộ	20.000	5.300	106.000.000
1.16	Dây thở oxy người lớn, trẻ em	- Chất liệu nhựa PVC y tế, bao gồm dây dẫn và gọng mũi - Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu - Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn - Dây dẫn có chiều dài ≥ 2.3 m, lòng ống có khóa chống gập. - Đóng gói 1 cái/ túi và tiệt trùng bằng khí EO - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, EN ISO 11135:2014 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)	Cái	700	5.900	4.130.000
1.17	Dây truyền máu	Dây có màng lọc siêu nhỏ với kích thước lỗ lọc từ 175-210 μ m. Tốc độ dòng chảy: 20 giọt/mL. Không tiết bất kỳ thành phần nào vào máu. Chất liệu dây: Vinyl Chloride. Kim truyền không cánh cỡ 18G phủ silicon tạo độ trơn khi đâm kim, thành mỏng cho dòng chảy tối đa, độc kim trong suốt để quan sát vật lạ xâm nhập. Có chứng chỉ ISO13485, CE.	Bộ	70	28.500	1.995.000
1.18	Găng tay khám bệnh các số	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, cỡ S và M. Thuận cho cả tay trái và tay phải, dài 240mm. Độ dày tối thiểu 1 lớp: Vùng ngón tay: 0,11 mm đến 0,13mm, Lòng bàn tay: 0.10 mm đến 0,12mm. Lực kéo đứt tối thiểu: Trước già hóa: $\geq 7,0$ N; Sau già hóa: $\geq 6,0$ N. Độ giãn dài tối thiểu khi đứt : Trước già hóa: 650%; Sau già hóa: 500%. Lượng bột bôi trơn (nằm ở mặt trong chiếc găng): $\leq 10\text{mg}/\text{dm}^2$.	Đôi	80.000	1.510	120.800.000
1.19	Găng tay phẫu thuật	Tiêu chuẩn cơ bản: Bề dày tối thiểu 0,15mm, Chiều dài: 280mm, Chiều rộng lòng bàn tay: Size 6 1/2: 83 \pm 5mm, Size 7: 89 \pm 5mm, Size 7 1/2: 95 \pm 5mm, Size 8 : 102 \pm 6mm. Cường lực kéo đứt: Trước già hóa: 15N, Sau già hóa: min 11N. Độ giãn đứt tối thiểu 18MPa: Trước già hóa: min	Đôi	5.200	4.900	25.480.000

		750%, Sau già hóa: min 650%. Tiêu chuẩn cao: Ngoài tiêu chuẩn cơ bản phải đạt: Lượng bột: max 80mg/đôi. Lượng protein: max 200µg/dm ² , mức độ nhiễm tinh điện dưới 100V. Tiệt trùng bằng khí EO.				
1.20	Găng tay dài vô trùng dùng trong sản khoa	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, thấm thấu được. Được tiệt trùng bằng khí EO, đóng gói mỗi túi/ đôi. Có cỡ 7.0-7.5. Chiều dài: 490mm, chiều rộng lòng bàn tay size 7: 89±5mm, 7.5: 95 ± 5 mm; cường lực khi đứt trước già hoá min 12.5N, sau già hoá min 9.5N. Độ giãn đứt trước lão hoá min 700%, sau lão hoá min 550%. Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.	Đôi	500	18.600	9.300.000
1.21	Túi đựng nước tiểu	- Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại. - Kích cỡ 2000ml, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. Có bảng chia vạch nghiêng cho phép theo dõi lượng nước tiểu cực ít (25ml) trong những trường hợp bệnh nhân thiếu niệu. - Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. Có quai treo bằng nhựa PVC. - Thân túi có bảng ghi thông tin cơ bản về bệnh nhân: Họ tên, số giường, số phòng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) - Đạt tiêu chuẩn FDA do cơ quan Quản lý Thực phẩm và Thuốc Hoa Kỳ (FDA) công bố	Cái	500	6.020	3.010.000

Phần 2: Các loại vật tư sử dụng trong một số chuyên khoa; kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật; que thử, test thử; vật tư chụp X-Q

2.1	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi , số 1	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi thành phần Polyamide 6/66, số 1, dài 75cm ±5%, kim tam giác ngược, 3/8 vòng tròn dài 30mm ±1mm, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) theo tiêu chuẩn ASTM f899-20 cho dụng cụ phẫu thuật và được đánh bóng để đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra. Lực căng kéo nút thắt 50.33N. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Sợi	60	34900	2.094.000
2.2	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi , số 2/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi thành phần Polyamide 6/66, số 2/0, dài 75cm ±5%, kim tam giác ngược, 3/8 vòng tròn dài 24mm ±1mm, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) theo tiêu chuẩn ASTM f899-20 cho dụng cụ phẫu thuật và được đánh bóng để đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, phủ silicon giúp tăng hiệu suất thâm nhập và giảm sự kéo xé mô. Là chỉ đơn sợi giúp giảm thiểu sự bám dính của vi khuẩn. Chỉ có bề mặt và đường kính đồng nhất trơn láng giúp dễ dàng xuyên qua mô. Nút thắt an toàn. Lực căng kéo nút thắt 31.39N. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Sợi	120	29500	3.540.000

2.3	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi, số 3/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi thành phần Polyamide 6/66, số 3/0, dài 75cm ±5%, kim tam giác ngược, 3/8 vòng tròn dài 24mm ±1mm, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) theo tiêu chuẩn ASTM f899-20 cho dụng cụ phẫu thuật và được đánh bóng để đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, phủ silicon giúp tăng hiệu suất thâm nhập và giảm sự kéo xé mô. Là chỉ đơn sợi giúp giảm thiểu sự bám dính của vi khuẩn. Chỉ có bề mặt và đường kính đồng nhất trơn láng giúp dễ dàng xuyên qua mô. Nút thắt an toàn. Lực căng kéo nút thắt 15.50N. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Sợi	204	29500	6.018.000
2.4	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi, số 4/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi thành phần Polyamide 6/66, số 4/0, dài 75cm ±5%, kim tam giác ngược, 3/8 vòng tròn dài 19mm ±1mm, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) theo tiêu chuẩn ASTM f899-20 cho dụng cụ phẫu thuật và được đánh bóng để đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, phủ silicon giúp tăng hiệu suất thâm nhập và giảm sự kéo xé mô. Là chỉ đơn sợi giúp giảm thiểu sự bám dính của vi khuẩn. Chỉ có bề mặt và đường kính đồng nhất trơn láng giúp dễ dàng xuyên qua mô. Nút thắt an toàn. Lực căng kéo nút thắt 9.81N. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Sợi	60	29500	1.770.000
2.5	Chỉ Catgus Cromic tiêu chậm số 1/0 hoặc tương đương	(Chromic Catgut) số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2c; Tiêu chuẩn ISO	Sợi	108	25000	2.700.000
2.6	Chỉ Catgus Cromic tiêu chậm số 2/0 hoặc tương đương	(Chromic Catgut) số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c. Tiêu chuẩn ISO	Sợi	108	25000	2.700.000
2.7	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglycolic acid, số 1	Chỉ khâu tiêu trung bình đa sợi thành phần Polyglycolic acid cấu tạo từ Lactomer, bao phủ bằng copolymer của Caprolacton/ glycolide/ calcium stearoyl lactylate. Chỉ số 1, dài 90cm, kim tròn đầu nhọn 40mm, kim cong 1/2 vòng tròn. Sợi chỉ đạt lực khôe nút buộc ban đầu bằng 140% tiêu chuẩn dược điển Mỹ. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Sợi	108	93500	10.098.000
2.8	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglycolic acid, số 2/0	Chỉ khâu tiêu trung bình đa sợi thành phần Polyglycolic acid cấu tạo từ Lactomer, bao phủ bằng copolymer của Caprolacton/ glycolide/ calcium stearoyl lactylate. Chỉ số 2/0, dài 75cm, kim tròn đầu nhọn 26mm, kim cong 1/2 vòng tròn. Sợi chỉ đạt lực khôe nút buộc ban đầu bằng 140% tiêu chuẩn dược điển Mỹ. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Sợi	240	89500	21.480.000
2.9	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglycolic acid, số 3/0	Chỉ khâu tiêu trung bình đa sợi thành phần Polyglycolic acid cấu tạo từ Lactomer, bao phủ bằng copolymer của Caprolacton/ glycolide/ calcium stearoyl lactylate. Chỉ số 3/0, dài 75cm, kim tròn đầu nhọn 26mm, kim cong 1/2 vòng tròn. Sợi chỉ đạt lực khôe nút buộc ban đầu bằng 140% tiêu chuẩn dược điển Mỹ. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Sợi	60	89500	5.370.000

2.10	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglycolic acid, số 4/0	Chỉ khâu tiêu trung bình đa sợi thành phần Polyglycolic acid cấu tạo từ Lactomer, bao phủ bằng copolymer của Caprolacton/ glycolide/ calcium stearoyl lactylate. Chỉ số 4/0, dài 75cm, kim tròn đầu nhọn 20mm, kim cong 1/2 vòng tròn. Sợi chỉ đạt lực khôe nút buộc ban đầu bằng 140% tiêu chuẩn được điển Mỹ. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Sợi	120	78500	9.420.000
2.11	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglycolic acid, số 5/0	Chỉ khâu tiêu trung bình đa sợi thành phần Polyglycolic acid cấu tạo từ Lactomer, bao phủ bằng copolymer của Caprolacton/ glycolide/ calcium stearoyl lactylate. Chỉ số 5/0, dài 75cm, kim tròn đầu nhọn 17mm, kim cong 1/2 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Sợi	36	120000	4.320.000
2.12	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin, số 5.0	- Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 5/0 dài 75cm. - 01 kim tròn đầu hình thoi RB-1 Plus bằng hợp kim thép Ethalloy có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa (độ bền kéo có chứng nhận từ tổ chức độc lập), có phủ silicone cải tiến, dài 17mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. - Chỉ được đóng trong khay nhựa để làm giảm nhớ hình, ngăn ngừa rớt chỉ. - Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA.	Sợi	84	140000	11.760.000
2.13	Lưỡi dao mổ sử dụng một lần các số	Chất liệu thép không gỉ. Các số 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22. Đóng gói 1x100 cái/hộp.	Cái	2.500	1100	2.750.000
2.14	Sonde JJ số 8 Fr loại đặt 1-3 tháng	* Sonde JJ gồm: - Ống thông: chất liệu Aliphatic polyurethane (PU): Tecoflex, màu trắng, vạch chỉ thị màu đen - Que đẩy: chất liệu polypropylen (PP), màu đỏ, dài 40-100cm - Chỉ Nylon ở đầu dưới - Kẹp chất liệu Polycarbonatel, màu xanh Kích cỡ: 8Fr	cái	5	260000	1.300.000
2.15	Sonde JJ số 7 Fr loại đặt 1-3 tháng	* Sonde JJ gồm: - Ống thông: chất liệu Aliphatic polyurethane (PU): Tecoflex, màu trắng, vạch chỉ thị màu đen - Que đẩy: chất liệu polypropylen (PP), màu đỏ, dài 40-100cm - Chỉ Nylon ở đầu dưới - Kẹp chất liệu Polycarbonatel, màu xanh Kích cỡ: 7Fr	Cái	50	260000	13.000.000
2.16	Sonde JJ số 6 Fr loại đặt 1-3 tháng	* Sonde JJ gồm: - Ống thông: chất liệu Aliphatic polyurethane (PU): Tecoflex, màu trắng, vạch chỉ thị màu đen - Que đẩy: chất liệu polypropylen (PP), màu đỏ, dài 40-100cm - Chỉ Nylon ở đầu dưới - Kẹp chất liệu Polycarbonatel, màu xanh Kích cỡ: 6Fr	Cái	50	260000	13.000.000
2.17	Nẹp cổ cứng	Làm từ chất liệu mút mật độ cao EVA và Có khóa Velcro, thiết kế gồm 2 mảnh riêng biệt. Hỗ trợ sơ cứu chấn thương đốt sống	Cái	20	119500	2.390.000

		cổ, treo cổ hoặc căng cổ quá mức, hỗ trợ sau phẫu thuật đốt sống cổ.				
2.18	Băng dính	- Vải lụa Taffeta trắng, làm bằng sợi cellulose acetate từ các nước G7. Lực dính 1,8-5,5 N/cm. - Keo hỗn hợp keo nóng chảy: Zinc oxide, Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. Độ nhớt 8.100-12.700 cP - tiêu chuẩn CE - EU. - Kích thước 5cm x 5m. - Có ít nhất 02 CFS được cấp bởi các nước tham chiếu theo quy định tại Điều 29 Nghị định 98/NĐ CP.	Cuộn	1.400	49300	69.020.000
2.19	Bộ xi lanh (cho máy bơm tiêm cân quang 1 nòng)	1 Đầu nối dạng xoắn 150cm, áp lực 350psi dùng cho CT 1 nòng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FSC	Bộ	10	322000	3.220.000
2.20	Bộ xi lanh 200ml dùng cho máy bơm tiêm điện	Bộ gồm 1 xi lanh 200ml, 1 đầu nối 150cm CT, 1 ống lấy thuốc nhanh. Cao su đàn hồi không chứa latex. Đạt chất lượng ISO 13485, FSC	Bộ	10	350000	3.500.000
2.21	Van hút máy nội soi tiêu hóa	Van hút, không chứa chất bôi trơn, tương thích với ống nội soi dạ dày, đại tràng, tá tràng hãng Olympus	chiếc	5	2715000	13.575.000
2.22	Van khí nước máy nội soi tiêu hóa	Van khí nước, không chứa chất bôi trơn, tương thích với ống nội soi dạ dày, đại tràng, tá tràng hãng Olympus	chiếc	3	3230000	9.690.000
2.23	Nút cao su kênh sinh thiết	Van sinh thiết, chất liệu cao su, tương thích với ống nội soi dạ dày, đại tràng, tá tràng, siêu âm	chiếc	5	950000	4.750.000
2.24	Kim sinh thiết có lỗ bên, dùng một lần	Hàm oval, có lỗ bên, cơ chế ngoàm lặc, vỏ ngoài được đánh dấu bằng màu sắc. Đường kính kênh làm việc tối thiểu: 2.8mm. Chiều dài làm việc: 1550mm	chiếc	5	852000	4.260.000
2.25	Chổi cọ máy nội soi	Đường kính kênh dụng cụ 2.0 - 4.2mm, tương thích cho tất cả ống nội soi dạ dày, đại tràng, tá tràng	chiếc	3	2350000	7.050.000
2.26	Dây bơm máy xét nghiệm huyết học	Dây bơm nhựa, dùng phù hợp với máy xét nghiệm huyết học tại bệnh viện.	Cái	4	2075000	8.300.000
2.27	Dây bơm máy sinh hóa	Dây bơm dùng phù hợp với máy xét nghiệm sinh hóa tại bệnh viện.	Cái	5	2528000	12.640.000
2.28	Bóng đèn máy sinh hoá	Dùng cho máy phân tích sinh hóa AU480, công suất: 12V	Cái	2	4650000	9.300.000
2.29	Que gỗ bệt tiệt trùng Spatula (XNPAP)	Sản Phẩm được làm bằng gỗ thông tự nhiên đã trích nhựa, có màu ngà, mùi gỗ thông tự nhiên không ngấm tẩm hóa chất, được tiệt trùng hoàn toàn bằng cách chiếu xạ tia Gamma sau khi đã hoàn thành đóng gói. Sản phẩm có hình dáng giống chiếc xương gà với hai đầu khác nhau tùy theo nhu cầu sử dụng. Công dụng: dùng để lấy mẫu niêm mạc tế bào cổ tử cung trong xét nghiệm Pap.	Cái	3.000	980	2.940.000
2.30	Ống nghiệm máu nhựa	Ống nghiệm PS tinh khiết 100%, dung tích 5ml, kích thước 12x75mm. Sử dụng nhựa	Ống	8.000	450	3.600.000

	(5ml)	trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, hoặc tương đương				
2.31	Ống nghiệm lấy máu EDTA	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp xanh dương, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%. Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2). Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485 hoặc tương đương	Ống	30.000	937	28.110.000
2.32	Ống nghiệm lấy máu Heparin	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%. Hóa chất bên trong là chất kháng đông Lithium Heparin. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485 hoặc tương đương.	Ống	40.000	945	37.800.000
2.33	Ống nghiệm lấy máu Sodium Citrate 3.8%	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE. Hóa chất bên trong là Sodium Citrate nồng độ 3.8%. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	Ống	1.500	1150	1.725.000
2.34	Ống nghiệm nước tiểu thủy tinh (15 ml)	Chất liệu: Thủy tinh Kích thước: size Ø18mm – chiều dài 180mm – độ dày 0.8mm	Cái	4.000	2350	9.400.000
2.35	Pipet nhựa	Pipet nhựa 3ml	Cái	2.000	600	1.200.000
2.36	Dầu soi kính hiển vi	Dầu soi kính hiển vi	ml	500	4100	2.050.000
2.37	Mẫu Cup 0.5ml	Cốc đựng mẫu dung tích mẫu 0.5ml. Được sử dụng cùng với máy ly tâm trong các thí nghiệm vi sinh trong sinh học phân tử	Cái	2.000	1617	3.234.000
2.38	Mẫu Cup 3ml	Cốc đựng mẫu dung tích mẫu 3 ml. Được sử dụng cùng với máy ly tâm trong các thí nghiệm vi sinh trong sinh học phân tử	Cái	2.000	1702	3.404.000
2.39	Cu vet rửa 2.0ml	Dùng phù hợp cho các dòng máy Beckman của bệnh viện	Cái	2.000	1702	3.404.000
2.40	Bóng đèn mổ	Phù hợp với đèn mổ đang sử dụng tại bệnh viện	Cái	15	180000	2.700.000
2.41	Đèn tiêu phẫu	1. Điện áp cung cấp: AC90~240V 50Hz/60Hz 2. Công suất đầu vào: ≤50VA 3. Cầu chì: F3AL250Vx1 4. Đặc điểm sản phẩm: LED 3W*12 5. Nhiệt độ màu sản phẩm: 4500~5000K 6. Khoảng cách làm việc: 700mm	cái	15	14300000	214.500.000
2.42	Bóng đèn cực tím	Tiệt trùng, chống nấm, - Triệt tiêu vi khuẩn có hại, chống loại các loại kí sinh nguy hiểm, - Làm sạch không khí trong phòng (trừ bụi). Kích thước: 45, 60, 90, 120cm	Cái	20	148000	2.960.000
2.43	Bóng đèn nội soi	24V-250W	Cái	15	490000	7.350.000
2.44	Na ⁺ electrode	Điện cực Na, chứa đường ống thủy tinh đặc biệt nhạy với ion Na, Phù hợp với máy điện giải của đơn vị	cái	2	7350000	14.700.000
2.45	K ⁺ electrode	Điện cực K, chứa đường ống nhựa, ionophores trung tính, Phù hợp với máy điện giải của đơn vị	cái	2	7350000	14.700.000
2.46	Cl ⁻ electrode	Điện cực Cl, chứa đường ống nhựa, đặc biệt nhạy với Cl, phù hợp với máy điện giải của đơn vị	cái	2	7350000	14.700.000
2.47	Acid citric	Acid hữu cơ C6H8O7	Kg	300	90000	27.000.000
2.48	Acid	Hóa chất là hợp chất của Peracetic Acid	Lít	150	103000	15.450.000

Peracetic						
2.49	Bông y tế	100% bông xơ tự nhiên có tính thấm hút tốt, đóng gói $\geq 1\text{Kg}$	Kg	200	182500	36.500.000
2.50	Gạc hút y tế	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có hóa chất tẩy trắng, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép.	Mét	20.000	5000	100.000.000
2.51	Que thử đường huyết	Test đóng gói rời từng cái, tự mã hóa - không cần cài đặt Code. Cho kết quả chính xác, không bị ảnh hưởng đường Malto và oxy hòa tan, sử dụng men GDH - FDA với hiệu chỉnh Hct từ 0% - 70%. Cho kết quả sau 5 giây, thể tích mẫu máu 1,1 μl . Có thể đo nồng độ đường trong máu toàn phần từ mẫu máu mao mạch, động mạch, tĩnh mạch và trẻ sơ sinh. Dùng phù hợp với máy đường huyết Terumo của đơn vị	test	1.000	9180	9.180.000
2.52	Test thử nước tiểu 10 thông số	- Các chỉ số đo: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Protein, Nitrite, Urobilinogen, Leukocyte, SG. - Dải đo của các chỉ số: Protein: 15-30mg/dL albumin Blood: 0.015-0.062mg/dL hemoglobin Leukocyte: 5-15 Nitrite: 0.06-0.1mg/dL nitrite ion Glucose: 75-125mg/dL Ketone: 5-10mg/dL acetoacetic acid pH: 4.6- 8.0 SG: 1.001-1.035 Bilirubin: 0.4-0.8mg/dL Urobilinogen: 0.2EU/dL - Trên thanh thử có miếng dán (ID band) có tác dụng kích hoạt kiểm tra tự động. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Que	50.000	8977	448.850.000
2.53	Que thử ma túy 5 chân	Xét nghiệm miễn dịch sắc ký dòng bên để phát hiện định tính nhiều loại thuốc và chất chuyển hóa thuốc trong nước tiểu ở nồng độ ngưỡng sau : - MOP $\geq 300\text{ng/ml}$; - AMP $\geq 500\text{ng/ml}$; - THC $\geq 50\text{ng/ml}$; - COD $\geq 300\text{ng/ml}$; - HER $\geq 10\text{ng/ml}$	Test	1.500	55000	82.500.000
2.54	Test thử nhanh Morphine	Phát hiện định tính nhóm chất thuốc phiện Morphine trong nước tiểu. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 hoặc tương đương	Test	1.000	9000	9.000.000
2.55	Que thử HBsAg	Định tính phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh hoặc huyết tương của người.	Test	300	25000	7.500.000
2.56	Que thử HBsAg	- Độ nhạy 98,4% , độ đặc hiệu $\geq 99,6\%$; Xét nghiệm có thể phát hiện nồng độ 0.1 IU/ml. Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 30 phút ,không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm(chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương. Sử dụng được cho tất cả các loại mẫu bệnh phẩm bao gồm:	Test	5.000	35280	176.400.000

		Huyết thanh, huyết tương, máu tĩnh mạch, máu đầu ngón tay. - Thành phần tại vạch test: Kháng thể đơn dòng ở chuột kháng HbsAg Biotinyl và các hạt màu đen được phủ kháng thể đơn dòng ở chuột kháng HBsAg. - Thành phần: Anti-HBs antibody A1; Anti-HBs antibody A2, Anti-HBs antibody B1; Anti-HBs antibody B2 ; Anti-HBs antibody B3 ; Kháng thể trên thanh kiểm soát. - Xét nghiệm phát hiện được ít nhất 14 đột biến khác nhau của HbsAg bao gồm: P120Q, T123A, T126N, T126S, Q129R, Q129H, Q129L, M133H, M133L, K141E, P142S, T143K, D144A và G145R.				
2.57	Que thử HAV	Phát hiện định tính kháng thể IgM kháng HAV trong mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần	Test	500	95407	47.703.500
2.58	Que thử HCV	Phát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh hoặc huyết tương của người.	Test	4.000	28560	114.240.000
2.59	Que thử HIV	- Phát hiện kháng thể kháng với HIV-1 và HIV-2 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần.	Test	4.000	49500	198.000.000
2.60	Test viêm loét dạ dày chủng H.Pylori	Thuốc thử sinh hóa phát hiện khuẩn Helicobacter pylori từ mẫu bệnh phẩm sinh thiết dạ dày vùng thân vị, hang vị, môn vị. Thời gian đọc kết quả 2-30 phút Thành phần: urea, disodium hydrogen phosphate dihydrate, potassium dihydrogen phosphate phenol red, nước, agar. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Độ nhạy phân tích: 5CFU/phần ứng Thể tích thuốc thử: 150ul/test	Test	1.500	15700	23.550.000
2.61	Que thử đường ruột Rotavirus	- Định tính phát hiện kháng nguyên Rotavirus trong mẫu phân người	Test	200	78300	15.660.000
2.62	Quick Test Dengue NS1 Ag	Test xác định kháng nguyên Dengue vi rút NS1 ở trong huyết thanh , huyết tương và máu toàn phần của người.	Test	1.500	63000	94.500.000
2.63	Test chẩn đoán nhanh cúm AB	xét nghiệm để định tính phát hiện kháng nguyên vi rút cúm, cúm A và cúm B (không phải loại C) bằng cách sử dụng dịch mũi họng của bệnh nhân có triệu chứng - Thời gian cho kết quả là 5-10 phút.	Test	2.000	87000	174.000.000
2.64	Test thử giang mai	Xét nghiệm miễn dịch sắc ký nhanh để phát hiện định tính kháng thể giang mai trong huyết thanh/huyết tương/hoặc máu toàn phần để hỗ trợ chẩn đoán bệnh giang mai.	Test	100	28000	2.800.000
2.65	Que thử hàm lượng Clo trong nước chạy thận nhân tạo	Dùng để đo mức độ clo thấp (chloramines/clo tự do) trong nước cấp dùng để chạy thận và cũng cho biết nồng độ Clo (chất tẩy Clo) tồn dư trong dung dịch đã sử dụng để súc rửa đường ống sau khi khử trùng thiết bị thẩm tách máu. Có thể kiểm tra nước với các nồng độ: 0, 0.1, 0.5 và 3ppm Thời gian nhúng và đọc kết quả: 30 giây - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA - Sản phẩm có Giấy phép lưu hành của BYT	Test	100	13000	1.300.000

2.66	Que thử độ cứng trong nước chảy thận nhân tạo	Dùng để kiểm tra độ cứng của nước trong chạy thận nhân tạo hoặc hệ thống nước RO của bệnh viện. Có thể kiểm tra nước với các nồng độ: 0, 10, 25, 50 và 120ppm Thời gian nhúng: 1 giây Thời gian đọc kết quả: 10 giây - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA - Sản phẩm có Giấy phép lưu hành của BHYT	Test	100	13000	1.300.000
2.67	Que thử tồn dư Peroxide trong chạy thận nhân tạo	Dùng để kiểm tra nồng độ của chất khử khuẩn acid peracetic/ peroxide đã được giảm xuống mức an toàn sau khi rửa quả lọc, máy chạy thận nhân tạo hoặc hệ thống xử lý nước Có thể kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide từ: 0, 1, 3, 5 và 10 ppm Thời gian nhúng: 2 giây Thời gian đọc kết quả: 15 giây - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA - Sản phẩm có Giấy phép lưu hành của BHYT	Test	100	13000	1.300.000
2.68	Que thử hiệu năng Peracetic Acid trong chạy thận nhân tạo	Dùng để thử "hiệu lực"; "hiệu năng" hoặc nồng độ của axit peracetic trong chất khử khuẩn cơ bản có chứa axit peracetic/hydrogen peroxide được dùng để khử khuẩn quả lọc, máy chạy thận nhân tạo hoặc hệ thống xử lý nước Thời gian nhúng: 1 giây Thời gian đọc kết quả: 10 giây - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA - Sản phẩm có Giấy phép lưu hành của BHYT	Test	100	13000	1.300.000
2.69	Phim X-quang số hóa cỡ 20x25 cm	Phim khô cỡ 20x25 cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm, hộp 150 tờ, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường	Hộp	150	2475000	371.250.000
2.70	Phim X-quang số hóa cỡ 35x43 cm	Phim khô cỡ 35x43 cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm, hộp 100 tờ, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường	Hộp	50	3950000	197.500.000
2.71	Phim in laser 20x25cm (8x10")	- Phim khô laser kích cỡ 20x25 cm (8x10 inch), có độ phân giải cao, hình ảnh quang nhiệt - Phim được cấu tạo 4 lớp bao gồm: 2 lớp bảo vệ; 1 lớp nhũ tương nhạy sáng và 1 lớp nền polyester - Hỗ trợ lớp nền 7-mil polyester - Phim có thành phần cấu tạo hóa học bao gồm: 90-95% Polyethylene terephthalate; 1-5% Polyvinyl butyral-polyvinyl alcohol-polyvinyl acetate terpolymer; 1-5% Axit docosanoic, muối bạc(1+) và < 3% Cellulose acetate butyrate - Phim có thể lưu lại trên đèn đọc phim > 24 giờ, ở điều kiện nhiệt độ 16-27 °C hoặc 60-80 °F và điều kiện độ ẩm 30-50 % RH - Mật độ hình ảnh Dmax: 3.3 - Phim có mật độ điểm ảnh tối đa 650 ppi - Tương thích với hệ thống máy in phim laser Trimax - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, FDA	Hộp	200	1920000	384.000.000

		- Chứng nhận lưu hành tự do: Mỹ				
2.72	Phim X- Quang 35x43 CM	<p>Phim khô laser kích cỡ 35x43 cm (14x17 inch), có độ phân giải cao, hình ảnh quang nhiệt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phim được cấu tạo 4 lớp bao gồm: 2 lớp bảo vệ; 1 lớp nhũ tương nhạy sáng và 1 lớp nền polyester - Hỗ trợ lớp nền 7-mil polyester - Phim có thành phần cấu tạo hóa học bao gồm: 90-95% Polyethylene terephthalate; 1-5% Polyvinyl butyral-polyvinyl alcohol-polyvinyl acetate terpolymer; 1-5% Axit docosanoic, muối bạc(1+) và < 3% Cellulose acetate butyrate - Phim có thể lưu lại trên đèn đọc phim > 24 giờ, ở điều kiện nhiệt độ 16-27 °C hoặc 60-80 °F và điều kiện độ ẩm 30-50 % RH - Mật độ hình ảnh Dmax: 3.3 - Phim có mật độ điểm ảnh tối đa 650 ppi - Tương thích với hệ thống máy in phim laser Trimax - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, FDA <p>- Chứng nhận lưu hành tự do: Mỹ</p>	Hộp	50	4650000	232.500.000

Phần 3: Dung dịch sát khuẩn, oxy y tế, sinh phẩm y tế và các vật tư đồ tiêu hao khác

3.1	Dung dịch rửa tay phẫu thuật. (4%)	<p>Hoạt chất: Chlorhexidine digluconate 4,0 % (w/w); Poly(hexamethylene biguanide) hydrochloride 0,1 % (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, PEG-7 Glyceryl Cocoate. Chất hoạt động bề mặt: Lauryl amine oxide, Cocamidopropylbetaine (CAB), Decyl glucoside, Cocamidopropyl Amine Oxide, Cocodiethanolamide (CDE)... Chất khóa ion nước cứng: EDTA Disodium; Chai ≥ 1000ml</p>	Chai	30	192000	5.760.000
3.2	Dung dịch rửa tay sát khuẩn trong phẫu thuật, rửa tay thường quy	<p>Hoạt chất: Chlorhexidine digluconate 2,0 % (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, PEG-7 Glyceryl Cocoate. Chất hoạt động bề mặt: Lauryl amine oxide, Cocamidopropylbetaine (CAB), Decyl glucoside... Chất khóa ion nước cứng: EDTA Disodium. Chất làm đặc, hương liệu. Đạt tiêu chuẩn EN 1499</p>	Chai	30	86000	2.580.000
3.3	Dung dịch sát khuẩn tay chứa cồn	<p>Hoạt chất: Ethanol 70% (w/w), Isopropanol 2,5% (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, Caprylic triglyceride, Olive Oil PEG-7 Esters. Thành phần chăm sóc da: tinh chất lô hội. Hương liệu. Hàm lượng Methanol: ≤ 2000 (mg/l); Chai ≥ 1000ml</p>	Chai	150	115000	17.250.000
3.4	Cồn 96	Hàm lượng Ethanol 96%	Lít	550	36000	19.800.000
3.5	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ y tế	<p>Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, thành phần ORTHO-PHTHALADEHYDE 0,55%, Benzotriazole 0,01% và các thành phần khác, pH 7.2 - 7.8, can 3,78lit, có que thử</p>	Can	50	1104600	55.230.000

		<ul style="list-style-type: none"> - Diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, vi rút, nấm, Trùng khuẩn lao (Mycobacterium bovis), theo các tiêu chuẩn: EN 13727, EN 13624, EN 14348, EN 14563, EN 14476. - Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ là 5 phút, tái sử dụng trong vòng 14 ngày. Thời gian bảo quản dụng dịch trong can là 75 ngày tính từ khi mở nắp. - Không gây ăn mòn dụng cụ, tương thích với nhiều loại dụng cụ và vật liệu (kể cả Polystyrene, Cyanoacrylate, EPO - TEK 353 epoxy) - Tương thích với dụng cụ của các hãng sản xuất dụng cụ nội soi (Olympus, Pentax, GE, Karl Storz, đèn nội soi Fujinon) - Môi trường sử dụng không cần thông khí đặc biệt. Có thể dùng cho quy trình xử lý bằng tay và bằng máy. - Đạt các tiêu chuẩn: EC, ISO 13485, CFS 				
3.6	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ nhanh	<p>Protease subtilisin: 6,5% w/w Chất hoạt động bề mặt non-ionic: Fatty alcohol alkoxylate 8% w/w, C9-11 Ethoxylate... Chất chống ăn mòn: Benzotriazole. Chất chỉnh pH: Acid citric, Triethanolamine. Chất tạo màu, hương liệu... pH trung tính: 7-8 (ở 20°C); dễ dàng tương thích với nhiều loại vật liệu, không gây ăn mòn kim loại</p>	Chai	30	378000	11.340.000
3.7	Bột bó 15cmx2,7m	Bột được làm từ thạch cao, gạc: 100% cotton. Kích thước 15cm x 2,7m	Cuộn	750	24150	18.112.500
3.8	Băng cuộn y tế 10 cm x 5m	Chất liệu 100% cotton. Kích thước 10cm x 5m	Cuộn	2.500	2100	5.250.000
3.9	Băng cuộn y tế 5cm x 2,5m	Chất liệu 100% cotton. Kích thước 5cm x 2,5m	Cuộn	2.000	850	1.700.000
3.10	Băng rón trẻ sơ sinh	Chất liệu vải dệt hút nước và polyester	Bộ	1.000	3880	3.880.000
3.11	Băng dính lụa	<p>Nền bằng vải lụa acetate; keo Acrylate không dung môi; số sợi/cm² 19x45; độ bám dính 0.4 ± 0.03 kgf/cm; trọng lượng keo 65 ± 5g/m². Độ thoát khí 500g/m²/24 giờ. Có kiểm nghiệm chứng nhận không phát hiện formaldehyd, Pb trong băng lụa.. Lõi nhựa liền cánh bảo vệ. kích thước 5cm x 5m.</p>	Cuộn	500	38000	19.000.000
3.12	Gạc phẫu thuật 7,5 x 7,5cm x 8 lớp tiệt trùng	<ul style="list-style-type: none"> - Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%, có chỉ số sợi là 32/1, mật độ sợi 7/8, sợi chắc, mịn, không có mùi mốc hoặc mùi khác lạ, hoàn toàn trắng, không dùng chất quang sắc, chỉ có sợi bông, không có loại sợi nào khác. - Kích thước: 7.5cm x 7.5cm x 8 lớp, tiệt trùng bằng khí EO. - Giới hạn acid - kiềm: Đạt trung tính (Cả hai dung dịch không có màu hồng) - Chất hoạt động bề mặt: < 2mm - Các sợi khác: Không tìm thấy sợi nào bị nhuộm màu 	Miếng	5.000	1000	5.000.000

		<ul style="list-style-type: none"> - Chất tan trong ether: không quá 0,5% - Chất tan trong nước: không quá 0,5% - Mất khối lượng do sấy khô: không quá 8,0% - Tro sunfat: không quá 0.4% - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016 				
3.13	Canuyn mayo mở miệng	<p>Sản xuất từ nhựa y tế EVA cứng an toàn, tiệt trùng</p> <p>Bao gồm các size:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Size số 0: 60mm, đen. + Size số 1: 70mm, trắng. + Size số 2: 80mm, xanh lá. + Size số 3: 90mm, vàng . + Size số 4: 100mm, đỏ. 	Cái	10	5103	51.030
3.14	Khóa ba chạc có dây (Chạc ngã 3 nối bơm tiêm điện)	<ul style="list-style-type: none"> - Khóa ba ngã gồm 2 đầu kết nối có nắp vặn khóa đóng mở được và khóa luer-lock. - Có dây nối dài 25cm, mềm dẻo làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt, không chứa độc tố, có khóa chặn dòng. - Chạc ba có nòng trơn nhẵn, đảm bảo dòng chảy, góc xoay 360 độ. - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014 	Cái	200	6500	1.300.000
3.15	Dây nối bơm tiêm điện	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng gói kín từng chiếc, vô trùng, có đánh dấu vị trí mở, dễ mở, có hạn sử dụng ghi trên bao bì. Mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn. - Đường kính trong $\leq 0,9$ mm - Đường kính ngoài $\leq 1,9$mm - Chiều dài dây 75cm - Tốc độ $\geq 0,9$ml/phút; áp lực ≥ 2 bar - Đầu nối Luer Lock, chịu áp lực cao, chống rò rỉ; có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch (có khóa bấm chặn dòng) - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 	Cái	200	5500	1.100.000
3.16	Dây nối bơm tiêm điện	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng gói kín từng chiếc, vô trùng, có đánh dấu vị trí mở, dễ mở, có hạn sử dụng ghi trên bao bì. Mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn. - Đường kính trong $\leq 0,9$ mm - Đường kính ngoài $\leq 1,9$mm - Chiều dài dây 150cm - Tốc độ $\geq 0,9$ml/phút; áp lực ≥ 2 bar - Đầu nối Luer Lock, chịu áp lực cao, chống rò rỉ; có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch (có khóa bấm chặn dòng) - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 	Cái	20	5500	110.000
3.17	Ống đặt nội khí quản có bóng các số từ 3.0 đến 8.5	<p>Chất liệu ống PVC</p> <p>Bóng Hi-Lo có thể tích lớn, áp lực nhỏ.</p> <p>Bóng mỏng 0.051mm,</p> <p>Đường kính bóng 31.5mm</p> <p>Thể tích bóng 21.4ml</p> <p>Áp lực trong bóng 19.4cm H₂O</p> <p>Hai vạch đánh dấu phía trên bóng chèn để hỗ trợ định vị ống an toàn.</p> <p>Các ống: 3.0(đường kính ngoài 4.2mm, đường kính bóng 8mm, chiều dài 160mm); 4.0 (đường kính ngoài 5.5mm, đường kính bóng 11mm, chiều dài 200mm); 5.0(đường</p>	Cái	200	68000	13.600.000

		kính ngoài 6.8mm, đường kính bóng 16 mm, chiều dài 240mm); 5.5(đường kính ngoài 7.5mm, đường kính bóng 17 mm, chiều dài 270mm), 6.0(đường kính ngoài 8.2mm, đường kính bóng 22 mm, chiều dài 280mm); 6,5(đường kính ngoài 8.8mm, đường kính bóng 22 mm, chiều dài 290mm), 7.0(đường kính ngoài 9.6mm, đường kính bóng 25 mm, chiều dài 310mm), 7.5(đường kính ngoài 10.2mm, đường kính bóng 25mm, chiều dài 320mm), 8.0(đường kính ngoài 10.9mm, đường kính bóng 27 mm, chiều dài 320mm).				
3.18	Ống thông tiểu (Sonde Poley 2 nhánh)	Chất liệu cao su thiên nhiên có phủ Silicon, thành ống dày chống gãy gập. Chất liệu không chứa chất DEHP. Chiều dài 40cm. Kích thước bóng: 30cc Các số: 16 (đường kính trong 5.3mm), 18 (đường kính trong 6.0mm), 20 (đường kính trong 6.7mm), 22 (đường kính trong 7.3mm), 24 (đường kính trong 8.0mm), 26 (đường kính trong 8.7mm)	Cái	500	15000	7.500.000
3.19	Ống thông tiểu (Sonde Nelaton)	Làm từ cao su tự nhiên phủ 1 lớp silicone, có van nhựa hoặc van cao su. Size 8,10 chiều dài 270mm. Size 12,14,16,18,20 chiều dài 400mm	Cái	100	11500	1.150.000
3.20	Sonde hút nhớt có kiểm soát NL+TE	Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhãn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Dây có độ dài \geq 55cm. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có nắp. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, EN ISO 11135:2014	Cái	600	3300	1.980.000
3.21	Ống thông dạ dày	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr,14Fr,16Fr,18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485	Cái	180	4000	720.000
3.22	Gia ven đậm đặc	Hàm lượng NaOCl \geq 7%	Lít	200	12000	2.400.000
3.23	Mũ giấy	Chất liệu vải không dệt, không hút nước, dây thun đôi	Cái	500	693	346.500
3.24	Nước cất tiệt trùng	Dùng trong vệ sinh dụng cụ, thiết bị y tế, chạy máy.	Can	70	105000	7.350.000
3.25	Hộp an toàn	Chất liệu bằng giấy Duplex kháng thủng. Kích thước: 150 x 120 x 270mm. Dung tích \geq 5 lít	Cái	70	17500	1.225.000
3.26	Gel siêu âm	Thành phần Carbomer, triethanolamin, PEG 400, glycerin, màu brilliant blue, nước tinh khiết.	Can	45	120000	5.400.000

3.27	Đè lưới gỗ	Cấu tạo: Gỗ Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm.	Cái	5.000	328	1.640.000
3.28	Tăm bông vô trùng	Ống nhựa 180mm, phi 10mm. Cán que 70mm, phi 10mm	Cái	1.500	4200	6.300.000
3.29	Kẹp rốn trẻ sơ sinh	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014	Cái	500	1650	825.000
3.30	Bao bọc camera dùng trong thủ thuật, phẫu thuật	Túi có dây buộc kích thước 9cm x 14cm, ống nilon có dây buộc.	Bộ	400	5586	2.234.400
3.31	Bao cao su	Làm bằng latex tự nhiên, trong mờ, không màu, không mùi. Chiều dài: ≥ 170 mm; Chiều rộng: $52 \text{ mm} \pm 2 \text{ mm}$. Độ dày: $0,065 \text{ mm} \pm 0,015 \text{ mm}$. Độ nhớt: 200-350 CS. Tiêu chuẩn sản xuất ISO4074 -2002. ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.	Cái	360	1000	360.000
3.32	Đầu côn vàng	Thể tích 200 μ l. Chất liệu bằng nhựa PP, không chứa kim loại, DNase, RNase. Thiết kế vừa với pipet, bên trong không bị dính nước.	Cái	15.000	50	750.000
3.33	Đầu côn xanh	Thể tích 1000 μ l. Chất liệu bằng nhựa PP, không chứa kim loại, DNase, RNase. Thiết kế vừa với pipet, bên trong không bị dính nước.	Cái	10.000	90	900.000
3.34	Miếng dán điện cực tim	Đầu giắc tiếp xúc phủ bạc	Cái	40	2800	112.000
3.35	Giấy in nhiệt máy siêu âm (kt: 11cm x 20m)	Kích thước: 11cm x 20m	Cuộn	350	175000	61.250.000
3.36	Dầu parafin (dạng lỏng)	Dầu không màu, không mùi, không vị.	Chai	5	93870	469.350
3.37	Gel bôi trơn	Thành phần chính: Water, Glycerin, Monopropylen, Hydroxyl ethyl cellulose, Cabommer, Phenoxyethanol, Ethylhexylglycerin, Sodium hydroxide không chứa muối và formaldehyde.	Tuýp	100	73500	7.350.000
3.38	Găng tay khám bệnh các số	Làm từ mũ cao su tự nhiên (mũ latex). Bề mặt đầu ngón tay nhám (tăng cường độ nhám), chưa tiệt trùng, mặt trong của găng có phủ bột chống dính, thuận dùng cả 2 tay, cổ tay se viền. - Màu trắng tự nhiên - Kích thước: Dài 24cm. Độ dày: ngón tay min 0.08mm; lòng bàn tay min 0.08mm. Chiều rộng bàn tay: 80 ± 10 mm (size S), 95 ± 10 mm (size M) - Đặc tính: Sức căng cơ: 18Mpa (trước già hóa) / 14Mpa (sau già hóa). Độ co giãn: 650% (trước già hóa) / 500% (sau già hóa). Hàm lượng bột: 10mg/dm ² ; hàm lượng protein: 200 μ g/dm ² - Các cỡ: S/M - Tiêu chuẩn: ISO 9001 – ISO 13485 – ISO 17025 – ISO 22000 - Chứng nhận CFS và GMP do tổ chức FDA (Cục quản lý thực phẩm và dược phẩm Thái Lan) cấp	Đôi	50.000	1400	70.000.000
3.39	Giấy điện	Kích thước: 63mm x 30m x 17mm	Cuộn	400	21000	8.400.000

	tim 3 cần					
3.40	Giấy điện tim 3 cần	Kích thước 80mm x 30m x 17mm	Cuộn	150	25000	3.750.000
3.41	Giấy điện tim 6 cần	Kích thước 110mm x 140mm	Tập	200	35000	7.000.000
3.42	Giấy in nhiệt (58mmx30m)	Kích thước: 58mm x 30m	Cuộn	300	12500	3.750.000
3.43	Giấy monitor sản khoa	Kích thước: 152mm x 90m	Tập	30	75000	2.250.000
3.44	Lam kính mài	Vật liệu cấu thành: kính. Kích thước: 25,4 x 76,2mm. Độ dày 1 - 1,2mm. Loại nhám	Hộp	50	21000	1.050.000
3.45	Khẩu trang y tế	Chất liệu vải không dệt, lớp vi lọc và lớp kháng khuẩn. Cấu tạo có 4 lớp.	Cái	5.000	630	3.150.000
3.46	Huyết áp Người lớn	- Dải đo: 20 tới 300 mmHg - Độ chính xác: ± 3 mmHg	Cái	15	520000	7.800.000
3.47	Ống nghe Người lớn	Ống dẫn bằng chất liệu nhựa PVC	Cái	10	210000	2.100.000
3.48	Nhiệt kế điện tử	Đo nhiệt độ cơ thể ở nách, hậu môn, vạch chia độ rõ nét để quan sát. Từ 35- 42 độ C có hộp nhựa bảo quản	Cái	60	25000	1.500.000
3.49	Cloramin B	Cloramin B 25%	Kg	100	150000	15.000.000
3.50	Ống chống đông EDTA	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu xanh dương. Hóa chất bên trong là Dipotassium Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c...). Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Ống nghiệm không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm với tốc độ 6000 vòng/phút (có PKN của đơn vị thứ 3) Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	Ống	30.000	750	22.500.000
3.51	Ống chống đông Heparin	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu đen. Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparine Lithium. Dùng để tách huyết tương làm xét nghiệm điện giải đồ (Na+, K+, Cl... trừ Li+), khí máu. Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH3 và định lượng Alcohol trong máu. Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Ống nghiệm không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm với tốc độ 6000 vòng/phút (có PKN của đơn vị thứ 3) Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	Cái	40.000	850	34.000.000
3.52	Ống nghiệm Natricitrat	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu xanh lá. Hóa chất bên trong là Sodium Citrate nồng độ 3.8%. Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Ống nghiệm không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm với tốc độ 6000 vòng/phút (có PKN	Ống	1.200	945	1.134.000

		của đơn vị thứ 3) Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE				
3.53	Khí oxy bình 40 lít	Oxy 99,7%	Bình	500	98000	49.000.000
3.54	Khí oxy bình 8 lít	Oxy 99,7%	Bình	30	44000	1.320.000
3.55	Khí CO2 bình 40 lít	CO2 >99,5%	Bình	5	250000	1.250.000
3.56	Bộ nhuộm Gram	Bộ gồm: Crystal Violet, Lugol, Alcohol và Safranin. Bộ 4 chai 100ml	Bộ	10	390000	3.900.000
3.57	Huyết thanh mẫu (Ani A, Anti B, Anti AB)	Kháng thể đơn dòng được dẫn xuất từ các dòng tế bào lai.	Bộ	30	315000	9.450.000
3.58	Anti D	Kháng thể đơn dòng được dẫn xuất từ các dòng tế bào lai.	Lọ	30	189000	5.670.000
3.59	Huyết thanh mẫu Anti Globulin (Coombs)	Huyết thanh chẩn đoán để phát hiện in-vitro của lớp phủ kháng thể ở hồng cầu người	Lọ	5	294000	1.470.000

Phần 4: Các loại vật tư, hóa chất thận nhân tạo

4.1	Quả lọc thận nhân tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Màng lọc Polysulfone có tính tương hợp tốt với máu, tối ưu hóa hiệu quả điều trị. - Hệ số siêu lọc: 13 mL/h x mmHg - Độ thanh thải (lưu lượng máu 200mL/min): + Ure : 186 + Creatinine: 173 + Phosphate: 148 + Vitamin B12: 92 - Diện tích màng: 1,3 m² - Độ dày thành/đường kính sợi: 40/200 μm - Thể tích mỗi: 78 mL - Chất liệu màng: Polysulfone - Chất liệu vỏ: Polycarbonate - Chất liệu đầu quả lọc: Polyurethane - Phương pháp tiệt trùng: Hơi nước Inline/HD 	Quả	650	325.000	211.250.000
4.2	Dây lọc máu	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ dây bao gồm: Dây động mạch, dây tĩnh mạch, 1 transducer - Dây máu làm từ nhựa y tế mềm PVC, đầu kết nối và các thành phần khác làm từ PVC, PE, PP. - Dây máu ko chứa Latex. - Tiệt trùng bằng EO - Dây động mạch: Buồng đếm giọt: (OD: 19-30mm, L: 130mm); Khóa luer Ø4.1; 2.5; đầu nối bom Ø4.1. Ống dây chính: 4.5*6.8*800mm, 4.5*6.8*750mm, 4.5*6.8*500mm, 4.5*6.8*1300mm. Ống dây nhánh: 2.2*4.1*400mm, 2.2*4.1*100mm, 2.2*4.1*50mm. - Ống dây bơm Heparin: 1.0*2.5*600mm, phần dây bơm: 8*12*400mm - Dây tĩnh mạch: Buồng đếm giọt: (OD: 19-30mm, L: 130mm); Khóa luer Ø4.1. Ống dây chính: 4.5*6.8*400mm, 4.5*6.8*500mm, 4.5*6.8*1800mm. Ống dây nhánh: 2.2*4.1*400mm, 2.2*4.1*100mm. - Lưu lượng dẫn máu: 163 ± 10%ml 	Bộ	650	67.000	43.550.000

4.3	Kim chạy thận nhân tạo	<ul style="list-style-type: none"> - kích thước 16G, cánh xoay - chiều dài kim 25mm, ID:3.2-OD:5.0, ống dài 300mm. - Khóa Luer female - Kim siêu mỏng và được phủ silicone giúp đâm xuyên dễ dàng - Kim làm bằng thép không gỉ - Đoạn ống được làm bằng nhựa y tế, không ảnh hưởng đến sức khỏe - Tiết trùng bằng khí E.O - Tiêu chuẩn ISO 13485; EC 	Cái	6.000	7.000	42.000.000
4.4	Dịch lọc thận	<p>Can 10 lít dd đậm đặc chứa:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Natri clorid: 2708.69g • Kali clorid: 67.10g • Calciclorid.2H2O: 99.24 g • Magnesi clorid.6H2O: 45.75g • Acid acetic băng: 81.00g • Glucose H2O : 494.99g <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE</p>	Lít	7.000	16.800	117.600.000
4.5	Dịch lọc thận	<p>Can 10 lít dd đậm đặc chứa:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Natri Bicarbonate: 840g • Dinatri Edetat: 0.5 g • pH : 7.5 - 8.6 • Al ≤ 0.01 mg/l trong dung dịch sẵn sàng sử dụng • Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.</p>	Lít	10.000	16.800	168.000.000
Tổng cộng: 157 mặt hàng						5.344.827.280